

**Biểu mẫu 12**

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****TRƯỜNG THPT****TRẦN VĂN GIÀU****THÔNG BÁO****CÔNG KHAI THÔNG TIN VỀ ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ****VÀ NHÂN VIÊN CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC PHỔ THÔNG****NĂM HỌC 2021 – 2022***( Theo thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

| STT      | Nội dung                                              | Tổng số   | Hình thức tuyển dụng                                                                                                                                     |                                                                                                     | Trình độ đào tạo |           |           |    |      |           | Ghi chú |
|----------|-------------------------------------------------------|-----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|-----------|-----------|----|------|-----------|---------|
|          |                                                       |           | Tuyển dụng trước ND 116 và tuyển dụng theo ND 116 (Biên chế, hợp đồng làm việc ban đầu, hợp đồng làm việc có thời hạn, hợp đồng làm việc không thời hạn) | Các hợp đồng khác (Hợp đồng làm việc, hợp đồng vụ việc, ngắn hạn, thỉnh giảng, hợp đồng theo ND 68) | TS               | ThS       | ĐH        | CĐ | TCCN | Dưới TCCN |         |
|          | <b>Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên</b> | <b>98</b> | <b>86</b>                                                                                                                                                | <b>13</b>                                                                                           |                  |           |           |    |      |           |         |
| <b>I</b> | <b>Giáo viên</b>                                      | <b>75</b> | <b>74</b>                                                                                                                                                |                                                                                                     |                  | <b>20</b> | <b>54</b> |    |      |           |         |
|          | Trong đó số giáo viên dạy môn:                        |           |                                                                                                                                                          |                                                                                                     |                  |           |           |    |      |           |         |
| 1        | Toán                                                  | 13        | 13                                                                                                                                                       |                                                                                                     |                  | 03        | 10        |    |      |           |         |
| 2        | Lý                                                    | 08        | 08                                                                                                                                                       |                                                                                                     |                  | 02        | 06        |    |      |           |         |
| 3        | Hóa                                                   | 07        | 07                                                                                                                                                       |                                                                                                     |                  | 06        | 01        |    |      |           |         |
| 4        | Sinh                                                  | 04        | 04                                                                                                                                                       |                                                                                                     |                  | /         | 04        |    |      |           |         |
| 5        | Sử                                                    | 04        | 04                                                                                                                                                       |                                                                                                     |                  | 01        | 03        |    |      |           |         |
| 6        | Địa                                                   | 04        | 04                                                                                                                                                       |                                                                                                     |                  | 01        | 03        |    |      |           |         |

| STT        | Nội dung                    | Tổng số                                                                                             | Hình thức tuyển dụng                                                                                                                                     |                                                                                                     | Trình độ đào tạo |           |           |           |           |           | Ghi chú |
|------------|-----------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|---------|
|            |                             |                                                                                                     | Tuyển dụng trước ND 116 và tuyển dụng theo ND 116 (Biên chế, hợp đồng làm việc ban đầu, hợp đồng làm việc có thời hạn, hợp đồng làm việc không thời hạn) | Các hợp đồng khác (Hợp đồng làm việc, hợp đồng vụ việc, ngắn hạn, thỉnh giảng, hợp đồng theo ND 68) | TS               | ThS       | ĐH        | CD        | TCCN      | Dưới TCCN |         |
| 7          | Văn                         | 9                                                                                                   | 9                                                                                                                                                        |                                                                                                     |                  | 03        | 06        |           |           |           |         |
| 8          | Tin học                     | 04                                                                                                  | 04                                                                                                                                                       |                                                                                                     |                  | 0         | 04        |           |           |           |         |
| 9          | GDCD                        | 03                                                                                                  | 03                                                                                                                                                       |                                                                                                     |                  | /         | 03        |           |           |           |         |
| 10         | GDQP                        | 02                                                                                                  | 02                                                                                                                                                       |                                                                                                     |                  | /         | 02        |           |           |           |         |
| 11         | Anh văn                     | 11                                                                                                  | 11                                                                                                                                                       |                                                                                                     |                  | 01        | 10        |           |           |           |         |
| 12         | TD                          | 05                                                                                                  | 05                                                                                                                                                       |                                                                                                     |                  | 02        | 03        |           |           |           |         |
| 13         | Công nghệ                   | Công Nghệ 10: Giáo viên dạy Sinh học giảng dạy.<br>Công nghệ 11,12: Giáo viên dạy Vật Lý giảng dạy. |                                                                                                                                                          |                                                                                                     |                  |           |           |           |           |           |         |
| <b>II</b>  | <b>Cán bộ quản lý</b>       | <b>04</b>                                                                                           | <b>03</b>                                                                                                                                                |                                                                                                     |                  | <b>03</b> | <b>01</b> |           |           |           |         |
| 1          | Hiệu trưởng                 | 01                                                                                                  | 01                                                                                                                                                       |                                                                                                     |                  | 01        |           |           |           |           |         |
| 2          | Phó hiệu trưởng             | 03                                                                                                  | 03                                                                                                                                                       |                                                                                                     |                  | 02        | 01        |           |           |           |         |
| <b>III</b> | <b>Nhân viên</b>            | <b>20</b>                                                                                           | <b>20</b>                                                                                                                                                |                                                                                                     |                  |           | <b>10</b> | <b>02</b> | <b>02</b> | <b>06</b> |         |
| 1          | Nhân viên văn thư           | 01                                                                                                  |                                                                                                                                                          | 01                                                                                                  |                  |           |           |           | 01        |           |         |
| 2          | Nhân viên kế toán           | 02                                                                                                  | 01                                                                                                                                                       | 01                                                                                                  |                  |           | 01        | 01        |           |           |         |
| 3          | Thủ quỹ                     | 01                                                                                                  | 01                                                                                                                                                       |                                                                                                     |                  |           | 01        |           |           |           |         |
| 4          | Quản lý học sinh            | 04                                                                                                  |                                                                                                                                                          | 04                                                                                                  |                  | /         | 04        |           |           |           |         |
| 5          | Nhân viên y tế              | 01                                                                                                  | 01                                                                                                                                                       |                                                                                                     |                  |           |           |           | 01        |           |         |
| 6          | Nhân viên thư viện          | 01                                                                                                  | 01                                                                                                                                                       |                                                                                                     |                  |           | 01        |           |           |           |         |
| 7          | Nhân viên học vụ            | 02                                                                                                  | 01                                                                                                                                                       | 01                                                                                                  |                  |           | 02        |           |           |           |         |
| 8          | Nhân viên tin học, kỹ thuật | 01                                                                                                  | 01                                                                                                                                                       |                                                                                                     |                  |           |           | 01        |           |           |         |

| STT | Nội dung           | Tổng số | Hình thức tuyển dụng                                                                                                                                     |                                                                                                     | Trình độ đào tạo |     |    |    |      |           | Ghi chú |
|-----|--------------------|---------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|-----|----|----|------|-----------|---------|
|     |                    |         | Tuyển dụng trước NĐ 116 và tuyển dụng theo NĐ 116 (Biên chế, hợp đồng làm việc ban đầu, hợp đồng làm việc có thời hạn, hợp đồng làm việc không thời hạn) | Các hợp đồng khác (Hợp đồng làm việc, hợp đồng vụ việc, ngắn hạn, thỉnh giảng, hợp đồng theo NĐ 68) | TS               | ThS | ĐH | CĐ | TCCN | Dưới TCCN |         |
| 9   | Nhân viên thiết bị | 01      | 01                                                                                                                                                       |                                                                                                     |                  |     | 01 |    |      |           |         |
| 10  | Nhân viên bảo vệ   | 03      |                                                                                                                                                          | 03                                                                                                  |                  |     |    |    |      | 03        |         |
| 11  | Nhân viên phục vụ  | 03      |                                                                                                                                                          | 03                                                                                                  |                  |     |    |    |      | 03        |         |

Bình Thạnh, ngày 16 tháng 9 năm 2021

**HIỆU TRƯỞNG**

( Đã ký)

**Phạm Thị Thu Hồng**

**Biểu mẫu 11**

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**TRƯỜNG THPT**  
**TRẦN VĂN GIÀU**

**THÔNG BÁO****CÔNG KHAI THÔNG TIN CƠ SỞ VẬT CHẤT CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC PHỔ  
THÔNG**

**NĂM HỌC 2021 – 2022**

*( Theo thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

| STT        | Nội dung                                                | Số lượng            | Bình quân        |
|------------|---------------------------------------------------------|---------------------|------------------|
| <b>I</b>   | <b>Số phòng học</b>                                     | 50                  |                  |
| <b>II</b>  | <b>Loại phòng học</b>                                   |                     |                  |
| 1          | Phòng học kiên cố                                       | 50                  |                  |
| 2          | Phòng học bán kiên cố                                   | /                   |                  |
| 3          | Phòng học tạm                                           | /                   |                  |
| 4          | Phòng học nhờ                                           | /                   |                  |
| 5          | Số phòng học bộ môn                                     | 10                  | 01phòng /1 môn.  |
| 6          | Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)    | 12                  |                  |
| 7          | Bình quân lớp/phòng học                                 | 01                  |                  |
| 8          | Bình quân học sinh/lớp                                  | 45                  |                  |
| <b>III</b> | <b>Số điểm trường</b>                                   | 01                  |                  |
| <b>IV</b>  | <b>Tổng số diện tích đất (m<sup>2</sup>)</b>            | 14857m <sup>2</sup> |                  |
| <b>V</b>   | <b>Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m<sup>2</sup>)</b> | 2250 m <sup>2</sup> |                  |
| <b>VI</b>  | <b>Tổng diện tích các phòng</b>                         | 10738m <sup>2</sup> |                  |
| 1          | Diện tích phòng học (m <sup>2</sup> )                   | 2891m <sup>2</sup>  | 59m <sup>2</sup> |
| 2          | Diện tích phòng học bộ môn (m <sup>2</sup> )            | 1058m <sup>2</sup>  | 96m <sup>2</sup> |

| STT         | Nội dung                                                                           | Số lượng             | Bình quân        |
|-------------|------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|------------------|
| 3           | Diện tích phòng chuẩn bị (m <sup>2</sup> )                                         | 360m <sup>2</sup>    | 60m <sup>2</sup> |
| 3           | Diện tích thư viện (m <sup>2</sup> )                                               | 160m <sup>2</sup>    |                  |
| 4           | Diện tích nhà tập đa năng<br>(Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m <sup>2</sup> ) | 782m <sup>2</sup>    |                  |
| 5           | Diện tích phòng khác (....)(m <sup>2</sup> )                                       | 1802,5m <sup>2</sup> |                  |
| <b>VII</b>  | <b>Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu</b><br>(Đơn vị tính: bộ)                     |                      |                  |
| 1           | Khối lớp 10                                                                        | <b>69</b>            |                  |
| 2           | Khối lớp 11                                                                        | <b>68</b>            |                  |
| 3           | Khối lớp 12                                                                        | <b>71</b>            |                  |
| 4           | Khu vườn sinh vật, vườn địa lí<br>(diện tích/thiết bị)                             | /                    |                  |
| <b>VIII</b> | <b>Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập</b> (Đơn vị tính: bộ)          | 171                  |                  |

| IX        | Tổng số thiết bị đang sử dụng        |                            | Số thiết bị/lớp |
|-----------|--------------------------------------|----------------------------|-----------------|
| 1         | Ti vi                                | 12                         | 0,26            |
| 2         | Cát xét                              | 36                         | 0,78            |
| 3         | Đầu Video/đầu đĩa                    | 02                         | 0,04            |
| 4         | Máy chiếu OverHead/projector/vật thể | 14                         | 0,3             |
| 5         | Bảng tương tác                       | 04                         |                 |
| 6         | Hệ thống âm thanh lớp                | 50                         | 01 bộ/lớp       |
| 7         | Hệ thống âm thanh sân trường         | 02                         |                 |
|           | Nội dung                             | Số lượng (m <sup>2</sup> ) |                 |
| <b>X</b>  | <b>Nhà bếp</b>                       | -                          |                 |
| <b>XI</b> | <b>Nhà ăn</b>                        | -                          |                 |

|             | Nội dung                               | Số lượng phòng,<br>tổng diện tích (m <sup>2</sup> ) | Số chỗ | Diện tích<br>bình quân/chỗ |
|-------------|----------------------------------------|-----------------------------------------------------|--------|----------------------------|
| <b>XII</b>  | <b>Phòng nghỉ cho học sinh bán trú</b> | 1400                                                | 700    | 2 m <sup>2</sup>           |
| <b>XIII</b> | <b>Khu nội trú</b>                     | -                                                   | -      | -                          |

| <b>XIV</b> | <b>Nhà vệ sinh</b>      | Dùng cho<br>giáo viên | Dùng cho học sinh |        | Số m <sup>2</sup> /học sinh |        |
|------------|-------------------------|-----------------------|-------------------|--------|-----------------------------|--------|
|            |                         |                       | Chung             | Nam/Nữ | Chung                       | Nam/Nữ |
| 1          | Đạt chuẩn vệ sinh*      | 09                    | 14                | 07/07  | 387                         | 0,3    |
| 2          | Chưa đạt chuẩn vệ sinh* | -                     | -                 | -      | -                           | -      |

(\*Theo Thông tư số 12/2011/TT-BGĐT ngày 28/3/2011 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện đảm bảo hợp vệ sinh)

|              | Nội dung                                            | Có | Không |
|--------------|-----------------------------------------------------|----|-------|
| <b>XV</b>    | <b>Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh</b>             | X  |       |
| <b>XVI</b>   | <b>Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)</b>           | X  |       |
| <b>XVII</b>  | <b>Kết nối internet (ADSL)</b>                      | X  |       |
| <b>XVIII</b> | <b>Trang thông tin điện tử (website) của trường</b> | X  |       |
| <b>XIX</b>   | <b>Tường rào xây</b>                                | X  |       |

Bình Thạnh, ngày 16 tháng 9 năm 2021

**HIỆU TRƯỞNG**

( Đã ký)

**Phạm Thị Thu Hồng**